

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG SỐ LƯỢNG HỌC SINH THEO HỌC CÁC TRƯỜNG KỸ THUẬT DẠY NGHỀ

Cao Thị Châu Thủy

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Việc thu hút thêm lực lượng lao động trẻ vào học ở các Trường kỹ thuật dạy nghề (KTDN) là một giải pháp quan trọng để nâng cao trình độ và tay nghề của lực lượng lao động trong xã hội. Nội dung bài báo trình bày một nghiên cứu về những nhân tố có tác động đến việc đăng ký theo học các trường KTDN của học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT). Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm mục đích lý giải tại sao chỉ có một số lượng nhỏ học sinh THPT đăng ký vào học các trường KTDN hiện nay và trên cơ sở đó đưa ra một số đề xuất nhằm thu hút thêm nhiều học sinh vào học ở các trường này.

Từ khóa: lực lượng lao động trẻ, nâng cao trình độ và tay nghề, trường kỹ thuật dạy nghề.

1. GIÁO DỤC DẠY NGHỀ Ở VIỆT NAM

Giáo dục dạy nghề (GDDN) được xem là một bộ phận không thể tách rời của nền giáo dục. Nó nhằm trang bị các kỹ năng cho lực lượng lao động trẻ nếu như họ không muốn hoặc không có cơ hội để tiếp tục học cao hơn sau khi rời ghế nhà trường phổ thông. GDDN đóng một vai trò quan trọng không những đối với các vấn đề kinh tế xã hội của đất nước mà còn quan trọng với chính bản thân mỗi con người và gia đình họ [1]. Trong thực tế, các nước có nền kinh tế phát triển thường có một hệ thống GDDN tiến tiến và ngược lại một hệ thống GDDN tiến tiến sẽ có nhiều đóng góp hơn cho sự phát triển của xã hội [2].

Nước ta hiện nay có lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số hơn 45 triệu lao động trong cả nước. Nền kinh tế đất nước có sự tăng trưởng cao, liên tục trong suốt hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới. Quá trình công

nh nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và đang diễn ra rất nhanh trên mọi miền của tổ quốc. Hàng tỷ đô la đang được đầu tư vào các nhà máy, các khu công nghiệp. Sự phát triển đó cùng với sự tiến bộ của khoa học công nghệ đòi hỏi đất nước phải có một lực lượng lao động có trình độ, có tay nghề cao. Một lực lượng lao động như vậy chỉ có được khi chúng ta có những cơ sở đào tạo dạy nghề có chất lượng, bắt kịp được với sự phát triển của các ngành công nghiệp. Để có được điều đó, ngoài việc chúng ta cần có một hệ thống cơ sở vật chất tương đối ở các Trường, các Trung tâm dạy nghề, một chương trình đào tạo tiên tiến, cập nhật, quan trọng hơn, chúng ta cần phải có những giải pháp để khuyến khích nhiều hơn thanh niên, học sinh theo học ở các Trường, các Trung tâm này thay cho tâm lý chỉ muốn vào Trường Đại học (ĐH) hay Cao đẳng (CĐ) của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT như hiện nay.

Ở Việt nam hiện nay, hệ thống các trường KTDN chủ yếu do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội quản lý. Theo số liệu thống kê, hiện nay trên cả nước có 236 trường KTDN, 404 trung tâm dạy nghề và có 285 trường trung cấp chuyên nghiệp. Ngoài ra, một số trường đại học và cao đẳng cũng có tham gia đào tạo hệ thống này [3]. Chương trình của hệ thống GDDN có thể phân ra làm ba loại, gồm (1) các chương trình đào tạo hoặc đào tạo lại ngắn hạn, (2) các chương trình đào tạo nghề từ một đến một năm rưỡi và (3) các chương trình đào tạo nghề từ hai đến ba năm. Các chương trình này được đào tạo dưới nhiều hình thức như chính quy, không chính qui, liên thông... Bên cạnh những ngành nghề cơ bản, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật, cũng đã có nhiều ngành nghề mới xuất hiện do nhu cầu của thị trường.

Cũng theo số liệu thống kê của của Tổng cục dạy nghề, những năm gần đây số lượng các trường KTDN tăng lên gấp hai lần so với 10 năm trước. Với số lượng tăng lên của các trường, thì số lượng học viên vào các trường KTDN cũng tăng nhanh. Ví dụ, như ở hệ dài hạn năm học 1998-1999 là hơn 75.000 học viên thì đến năm 2001 đã tăng lên gần 130.000 và năm 2005 là 230.000 [3]. Mặc dù số học viên ở các trường KTDN tăng lên nhanh, nhưng cũng theo theo số liệu thống kê, thì hiện chỉ có hơn 20% dân số Việt Nam ở độ tuổi lao động được đào tạo còn lại hơn 70% lao động làm việc nhưng không qua đào tạo [4]. Một thực tế hiện nay là các trường KTDN không hấp dẫn

người học như các trường ĐH và CĐ - nơi có sự chọn lọc và giới hạn về số lượng sinh viên. Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT chỉ chấp nhận đi học nghề nếu như họ không có được một chỗ trong giảng đường của các trường ĐH hay CĐ. *Vậy làm thế nào để thu hút được thêm nhiều người tham gia vào học ở các trường, các trung tâm KTDN?*

2. PHÂN LOẠI YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN HỌC TẬP Ở CÁC TRƯỜNG KTDN

Qua lý thuyết và thực tiễn của nhiều nước, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến số lượng học sinh tham gia hay không tham gia vào hệ thống GDDN. Có thể phân loại các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định theo học hay không theo học của đối tượng ở các trường, trung tâm KTDN như sau:

Những yếu tố liên quan đến người học

Đây là nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng lớn đến quyết định của đối tượng theo học. Ảnh hưởng này được Edwards và các tác giả [5] chứng minh rằng thái độ và nhận thức của đối tượng có thể dẫn đến việc không tham gia học. Ví dụ như họ không nhận thấy sự cần thiết của việc học, cho là đã nhiều tuổi, thiếu sự tự tin vào bản thân về khả năng học cũng như những quyết định tương lai. Bên cạnh đó những quyết định của đối tượng lại bị chi phối rất lớn bởi bố mẹ, người thân trong gia đình. Trình độ học vấn, nghề nghiệp và vị trí xã hội của cha mẹ và người thân có ảnh hưởng nhiều đến quyết định tham gia hay không tham gia

vào các trường KTDN của đối tượng khi đưa ra quyết định. Đối với học sinh ở các nước phương Đông - nơi học sinh ít có tính độc lập, tự chủ, thì sự chi phối của cha mẹ và người thân thường có ảnh hưởng rất lớn. Những đứa con trong gia đình thường không tự đưa ra những quyết định cuối cùng cho chính nghề nghiệp trong tương lai kể cả khi những đối tượng đó thực sự yêu thích hoặc say mê một ngành nghề nào đấy.

Những yếu tố liên quan đến chính sách

Những chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng đến số lượng người tham gia học tập nói chung. Đối với các trường, các trung tâm KTDN, chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng lớn đến số lượng người học bởi vì chính sách cho đào tạo dạy nghề liên quan đến những thành quả của sự phát triển kinh tế đất nước [6]. Điều này có nghĩa là, chính sách của Chính phủ liên quan đến quyết định của mỗi cá nhân trong việc tham gia hay không tham gia vào các trường KTDN. Sự ảnh hưởng này đã được nghiên cứu ở nhiều nước. Ví dụ như để tăng số lượng học viên vào học ở các trường KTDN, Chính phủ Chile, Australia đã đưa ra một số chính sách như có sự hỗ trợ về tài chính cho thanh niên theo học hệ thống GDDN. Chính phủ Scotland có chương trình hướng nghiệp cho học sinh chọn được nghề phù hợp với khả năng và niềm yêu thích ngay từ khi học sinh đang học lớp 6. Nhờ thực hiện những chính sách này mà số lượng người tham gia vào các trường KTDN tăng gấp nhiều lần.

Những yếu tố liên quan đến các trường KTDN

Yếu tố này bao gồm chất lượng dạy và học, cơ sở vật chất, đánh giá, hướng nghiệp và vai trò trong việc giúp học sinh có được việc làm sau khi tốt nghiệp. Đây là những yếu tố cốt lõi cho việc thu hút nhiều đối tượng vào các trường KTDN. Phương pháp dạy và học được quan tâm hàng đầu. Ở Đức, giáo viên ở các trường KTDN là những người không chỉ có kiến thức mà còn có kinh nghiệm làm việc ở trong cơ quan, họ tham gia giảng dạy như một phần của công việc. Ở Bồ Đào Nha, người học tham gia học và hành ngay trong công việc thực tế chứ không chỉ quan sát. Bên cạnh đó, hướng nghiệp cũng là nhiệm vụ quan trọng. Một trong những yếu tố dẫn đến việc không tham gia vào các trường KTDN là họ thiếu thông tin về hệ thống GDDN như loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo, công việc sau khi học xong [5]

Những yếu tố liên quan đến cơ hội làm việc và thu nhập sau khi tốt nghiệp

Đây là yếu tố được cho rằng ảnh hưởng lớn đến số lượng người quyết định học ở các trường KTDN. Cụm từ ‘ảnh hưởng của thu nhập’ và ‘cơ hội việc làm’ được Beder và Valentine [7] sử dụng với nghĩa là tiền lương và cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp. Khái niệm này liên quan đến tìm kiếm một công việc trả lương cao và cơ hội phát triển sau khi tốt nghiệp. Họ cho rằng những yếu tố này là động lực cho sự tham gia của người học vào các trường KTDN. Hiểu được tầm quan trọng của nó, nhiều trường dạy nghề như ở Đức, Singapore và Trung Quốc đã liên kết với các nhà máy, xí nghiệp cung cấp việc làm cho

người lao động và đào tạo lại lực lượng lao động.

Những yếu tố liên quan đến văn hóa và quan điểm xã hội

Văn hóa và quan điểm xã hội cũng là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng số lượng người tham gia hay không tham gia vào các trường, các trung tâm KTDN. McGivney [8] cho rằng sự tham gia vào hệ thống GDDN của người học có liên quan nhiều tới môi trường của cá nhân và cộng đồng nơi họ đang sinh sống.

Bên cạnh những yếu tố đề cập ở trên, còn có một số nhân tố khác cũng ảnh hưởng đến số lượng người tham gia học tập ở các trường KTDN như: giới tính, giá cả, sự thay đổi thị trường lao động, người học ở khu vực thành thị nông thôn, trình độ học vấn, cơ hội học lên....Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của những yếu tố này đến số lượng tham gia hay không phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi đối tượng.

3. SỐ LIỆU KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

Phương pháp luận

Mục đích của bài báo này là tìm hiểu lý do tại sao, ở Việt Nam, chỉ có một số lượng nhỏ học sinh đăng ký vào học các trường KTDN từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao số lượng này. Để đạt được mục đích này, phương pháp điều tra bằng việc sử dụng bảng câu hỏi khảo sát và câu hỏi phỏng vấn đã được thực hiện dựa trên những yếu tố ảnh hưởng đến số lượng người học ở các trường KTDN và thực

tiễn của Việt nam. Những nhân tố giới thiệu trong mục 2 ở trên cùng với một số nhân tố khác có được thông qua việc khảo sát thử là cơ sở cho việc lập ra một bảng ‘các nhân tố có thể ảnh hưởng’ để tiến hành điều tra, khảo sát.

Phương pháp thu thập số liệu sử dụng các phiếu khảo sát gửi đến cho từng người. Đối tượng là học sinh lớp 12, những người được xem là lực lượng chính sẽ đăng ký theo học ở các trường KTDN. Thời điểm khảo sát được thực hiện vào đầu học kỳ 2 vì thời gian này được coi như là giai đoạn mà học sinh cuối cấp phải đưa ra những quyết định quan trọng cho tương lai. Việc khảo sát đã được tiến hành với học sinh lớp 12 của hai trường THPT ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Một trường THPT dân lập mới thành lập được hơn 10 năm và tỉ lệ đậu đại học hàng năm chỉ khoảng trên dưới 5%. Trường kia là Trường THPT công lập, có truyền thống lâu đời với tỉ lệ học sinh vào học đại học hàng năm trên 50%. Sau khi phát ra 150 phiếu cho mỗi trường, số phiếu thu lại được là 67% ở trường dân lập và 57% ở trường công lập. Việc khảo sát cũng được tiến hành theo phương pháp phỏng vấn 8 giáo viên chủ nhiệm từ 2 trường về nội dung hướng nghiệp cho học sinh lớp 12.

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ‘Có’ hoặc ‘Không’ theo học các trường KTDN được đưa vào bảng câu hỏi. Học sinh được yêu cầu đánh giá mức độ quan trọng của từng nhân tố đến việc có hoặc không theo học. Mức 1 được xem là không quan trọng và mức 5 được xem là rất quan trọng. Ngoài những câu hỏi lượng hóa như vậy, học sinh cũng được đề nghị trả lời các

câu hỏi hỗ trợ để khẳng định các câu trả lời đó ví dụ như ‘tại sao em cho rằng yếu tố đó là quan trọng/không quan trọng?’ Trong phiếu điều tra học sinh cũng được hỏi về mức độ quan trọng của các giải pháp, các đề xuất nhằm thu hút thêm học sinh theo học ở các trường KTDN. Chi tiết các câu hỏi này được thể hiện trong phần phân tích kết quả ở các bảng phía dưới.

Nhân tố ảnh hưởng đến việc ‘CÓ’ theo học ở các trường GDDN

Bảng 1 trình bày kết quả tính toán mức độ quan trọng trung bình của các nhân tố ảnh hưởng đến việc có theo học các trường KTDN. Do tỷ lệ học sinh nói ‘có’ ở trường công lập là quá nhỏ (6%) nên kết quả này được phân tích chủ yếu từ số liệu của trường dân lập (tỷ lệ này là 56%).

Bảng 1. Mức độ quan trọng của các nhân tố đến việc có theo học ở trường KTDN

Nhân tố	Mức độ
a. Các trường KTDN đảm bảo cho một công việc sau khi tốt nghiệp	1.66
b. Bạn thay thế suất bố mẹ bạn khi họ về hưu	1.61
c. Một người thân của gia đình bạn đảm bảo cho bạn một công việc sau khi tốt nghiệp	2.08
d. Bạn học chỉ có một nghề, không chắc chắn xin được việc hay không	2.27
e. Bạn đi học vì ý thích cá nhân của bạn	1.58
f. Khóa học của bạn dự định học có nhiều cơ hội tìm việc làm	2.62
g. Bạn ảnh hưởng bởi thông tin tuyển sinh của trường KTDN	2.04

Từ số liệu ở bảng trên, có thể nhận thấy yếu tố ‘f’ (có nhiều cơ hội tìm việc làm) và yếu tố ‘d’ (học chỉ để có một nghề, không chắc chắn xin được việc hay không) được xem là những yếu tố quan trọng nhất (mức trung bình 2.62 và 2.27). Những yếu tố có ảnh hưởng lớn tiếp theo là yếu tố ‘c’ (người thân đảm bảo cho một công việc) và ‘g’ (ảnh hưởng bởi thông tin tuyển sinh của nhà trường). Có thể nhận thấy rằng, ngoại trừ yếu tố ‘d’, cả 3 yếu tố còn lại đều liên quan đến cơ hội việc làm. Nói cách khác, yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định học của học sinh là học xong và tìm được một công việc. Những ý kiến này cũng được khẳng

định khi đối tượng được khảo sát đã lý giải nguyên nhân họ cho rằng đây là những yếu tố quyết định trong những câu hỏi hỗ trợ, ví dụ như ‘mong ước học xong có được việc làm là quan trọng để không phải sống nhờ vào bố mẹ’, ‘làm thế nào miễn có được việc làm, không thất nghiệp là được’...

Cũng theo số liệu thu thập trên thì yếu tố theo học các trường KTDN vì sự yêu thích là một yếu tố không quan trọng (mức trung bình 1.66). Điều này cho thấy rằng có sự khác biệt trong quyết định đi học các trường trong quan niệm ở các nước Châu Á và các nước phương Tây - nơi nhân tố ‘cá nhân thích, mong muốn

được học, theo đuổi nghề nghiệp' là nhân tố chính, nhân tố quyết định cho việc chọn ngành nghề gì để học.

Nhân tố ảnh hưởng đến việc 'KHÔNG' theo học ở các trường KTDN

Bảng 2. Mức độ quan trọng của các nhân tố đến việc không theo học ở trường KTDN

Nhân tố	Mức độ quan trọng	
	Trường dân lập	Trường công lập
a. Do học phí ở các trường KTDN cao	2.97	0.77
b. Học ở các trường KTDN không chắc chắn có một công việc tốt	2.46	3.48
c. Bố mẹ bạn không muốn bạn vào các trường KTDN	2.05	3.52
d. Do bạn có khả năng vào học ở các trường CĐ hoặc ĐH	1.93	4.34
e. Học ở các trường KTDN không phải là 'môt thời thượng'	1.39	1.84
f. Các trường DN xa nhà, nơi ăn ở đắt đỏ	3.26	1.21
g. Mức lương sau khi tốt nghiệp ở các trường KTDN thấp	3.72	3.41

Như có thể thấy từ số liệu ở Bảng 2, mặc dù có sự khác nhau về việc đánh giá mức độ quan trọng của từng nhân tố giữa hai trường dân lập và công lập, nhân tố 'g' (mức lương thấp) và nhân tố 'b' (không chắc chắn có một công việc tốt) là 2 nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định không tham gia vào các trường KTDN của học sinh. Nói cách khác, lương thấp và khó có một công việc tốt sau khi tốt nghiệp là những rào cản lớn cho việc tham gia học nghề. Học sinh THPT thường lo lắng và tưởng tượng ra một tương lai ảm đạm nếu họ học ở các trường KTDN. Điều này được học

sinh bình luận và giải thích 'cuộc sống của họ khó được đảm bảo với mức lương thấp khi mà chi phí cho cuộc sống ngày càng cao', 'bằng chứng sống trước mắt là người tốt nghiệp trường KTDN khó kiếm được công việc' hay 'số người có mức lương cao được học từ các trường KTDN đếm trên đầu ngón tay'.

Bên cạnh hai yếu tố trên thì yếu tố 'c' (ảnh hưởng từ bố mẹ) cũng được xem yếu tố chính ảnh hưởng lớn đến quyết định không học ở các trường dạy nghề của học sinh THPT, đặc biệt ở trường công lập. Trong văn hóa Việt Nam nói riêng và văn hóa phương Đông nói chung thì

cha mẹ có chi phối rất lớn đến tương lai của con cái mình. Hơn thế nữa quan niệm của người Việt Nam thì con cái học ở các trường KTDN là không ‘sang’, học kém mới vào các trường KTDN. Nói cách khác yếu tố văn hóa và quan điểm xã hội chi phối lớn tới quyết định không tham gia học nghề của học sinh

Từ số liệu cho thấy rằng bên cạnh những đánh giá tương đồng giữa 2 trường về lý do không theo học các trường KTDN, thì do đặc điểm riêng của từng trường nên mỗi trường còn có những yếu tố quan trọng khác chi phối đến quyết định của học sinh. Như yếu tố học phí cao chi phối lớn đến quyết định học nghề của học sinh trường dân lập vì họ phần lớn xuất thân từ gia đình có đời sống kinh tế ở mức trung bình hoặc thấp trong xã hội. Trong khi đây không phải là yếu tố quan trọng đối với học sinh ở trường công lập. Một nhân tố quan trọng chi phối lớn đối với học sinh ở trường này lại là yếu tố ‘d’ (có khả năng vào học ở các trường ĐH hay CĐ).

Nhân tố định hướng nghề nghiệp

Như trình bày ở phần 2, yếu tố hướng nghiệp hay định hướng nghề nghiệp cho học sinh đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích học sinh đăng ký học ở các trường KTDN. Tuy nhiên, qua khảo sát ở hai trường phổ thông, cả học sinh và giáo viên, họ đều thừa nhận rằng hiện nay chưa có những chương trình hướng nghiệp thực sự cho học sinh ở Việt Nam. Những nội dung học sinh nhận được chỉ là sự định hướng mang tính chất cá nhân, mang tính chất khuyến bảo. Hay nói cách khác, các hoạt động hướng nghiệp hay định hướng nghề

nh nghiệp chưa được thực hiện từ các phía nhà trường, các trường KTDN hoặc các trung tâm hướng nghiệp một cách đúng đắn và đầy đủ.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Từ việc tìm hiểu các yếu tố liên quan đến số lượng người tham gia vào học ở các trường KTDN và đặc biệt qua tìm hiểu các yếu tố chi phối chính đến quyết định tham gia học hay không học của học sinh, phần khảo sát cũng đã nghiên cứu ý kiến của học sinh trong việc đưa ra những đề xuất nhằm thu hút học sinh THPT vào các trường KTDN. Trên cơ sở đó, tác giả bài báo kiến nghị đề xuất một số giải pháp đề xuất như sau:

Trước hết, Chính phủ cần có những chính sách vĩ mô để thu hẹp khoảng cách mức lương, hay rộng hơn là thu nhập, giữa người tốt nghiệp ĐH, CĐ và người tốt nghiệp các trường KTDN. Trong xã hội ta hiện nay, thông thường mức lương của người tốt nghiệp ĐH, CĐ không những cao hơn mà các khoản thu nhập ngoài lương cũng lớn hơn nhiều hơn so với người tốt nghiệp các trường KTDN. Giải quyết được vấn đề này chắc chắn sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định theo học các trường KTDN của học sinh như đã nói trong phần khảo sát nguyên nhân ở trên.

Thứ hai, cần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp các trường KTDN. Như đã đề cập ở phần trên, bên cạnh yếu tố thu nhập thì yếu tố có được việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong những yếu tố ảnh hưởng chính đến quyết định vào học ở các trường KTDN. Chính vì vậy vai trò của nhà

trường và xã hội trong việc giúp học sinh có được việc làm là rất quan trọng. Các hình thức như: cơ sở đào tạo liên kết với các doanh nghiệp, đào tạo các ngành nghề đang có nhu cầu tuyển dụng cao, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng được ngay yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động...là những việc làm nên được phát huy.

Thứ ba, qua quá trình khảo sát và phỏng vấn trực tiếp cả học sinh và thầy cô giáo, tác giả bài báo này cũng có đề xuất rằng Chính phủ và bản thân mỗi trường phổ thông cần có những trung tâm hướng nghiệp, những hoạt động hướng nghiệp cho học sinh ngay từ những năm cuối của cấp 2 và suốt những năm học ở trường THPT. Nó giúp cho học sinh và phụ huynh thấy được khả năng, niềm yêu thích và hướng phát triển của xã hội. Từ đó họ sẽ có thể đưa ra những quyết định đúng đắn cho tương lai của chính mỗi người.

Thứ tư, văn hóa và quan điểm xã hội của mọi thế hệ đặc biệt là các bậc cha mẹ - những người có ảnh hưởng lớn đến quyết định học tập ở các trường KTDN của học sinh cần có một cái nhìn mới trên quan điểm phát triển tiến bộ về tính chất, vị trí và vai trò của công việc, cũng như quan niệm mong muốn con em mình phải vào học ở các trường CĐ hay ĐH để làm “thầy”, làm “ông này bà nọ”. Để từ đó, họ có thể định hướng con em mình vào ngành nghề phù hợp với khả năng, năng lực, đặc biệt là niềm đam mê và yêu thích của chúng. Đây là những yếu tố có thể giúp cho học sinh sử dụng hết khả năng của mình trong công việc, cuộc sống từ đó đạt được hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, một số chính sách khác được cho là có ảnh hưởng lớn trong việc thu hút thêm lượng học viên vào các trường KTDN đã bắt đầu được thực hiện ở Việt Nam cũng nên được nhân rộng và phát huy. Ví dụ, chính sách cho học sinh và sinh viên vay tiền học phí và những đối tượng học ở trường KTDN có thể học liên thông lên các trường ĐH và CĐ. Tuy nhiên trong thực tế, ảnh hưởng của những chính sách này đến việc thu hút học sinh vào các trường KTDN chưa cao như mong đợi. Nguyên nhân có thể ở khâu thực hiện, ví dụ việc cho sinh viên vay tiền dường như chỉ hướng nhiều đến các trường ĐH hoặc CĐ, hoạt động học tập liên thông từ các trường Trung cấp KTDN còn gặp nhiều vấn đề vướng mắc trong thủ tục hành chính và đào tạo. Vì vậy, ngoài những chính sách tốt chúng ta cần phải triển khai thực hiện các chính sách ấy một cách hiệu quả mới hy vọng được một sự thay đổi lớn trong việc thu hút thêm học sinh vào các trường KTDN.

5. KẾT LUẬN

Việc khuyến khích học sinh tốt nghiệp THPT theo học ở các trường KTDN sẽ có tác dụng nâng cao trình độ, kỹ năng, tay nghề cho lực lượng lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng người lao động cho công cuộc hiện đại hóa và công nghiệp hóa của nước nhà. Kết quả khảo sát và phân tích số liệu về các nhân tố ảnh hưởng đến số lượng học sinh đăng ký tham gia học ở các trường KTDN và các giải pháp đề xuất để thu hút thêm lực

lượng lao động trẻ theo học các trường này đã đưa ra một gợi mở chính như sau:

– Những nhân tố liên quan đến cơ hội việc làm và thu nhập là những lý do chính cho học sinh quyết định theo học/không theo học ở các trường KTDN.

– Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích/không khuyến khích con em họ theo học ở các trường KTDN hiện nay.

Vai trò của các trung tâm hướng nghiệp và công tác hướng nghiệp của nhà trường và giáo viên cho những quyết định nghề nghiệp tương lai của học sinh cần được phát huy hiệu quả hơn.

FACTORS INFLUENCING ENROLMENT STUDENTS IN TECHNICAL AND VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING SCHOOLS

Cao Thi Chau Thuy

University of Social Sciences and Humanities, VNU - HCM

ABSTRACT: *Attracting more young people to join Technical and Vocational Education and Training schools (TVET) is an important measure so as to enhance the quality of labor workforce. This paper presents a study on factors influencing on the number of people registering into TVET schools after they graduate from high schools. The aim of this study is to explain why, currently, in Vietnam, there is only a limited number of pupils in high schools registering into TVET schools. Based on that, a couple of proposals are made to encourage more young people to enrolling in those schools.*

Key words: *young labor workforce, enhance the quality, Technical and Vocational Education and Training schools.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lauglo. J and Maclean. R, *Vocationalisation of Secondary Education Revisited*, Dordrecht: Springer, (2005).
- [2]. Middleton. J, Ziderman. A, and Adam. A, *Skill for productivity: Vocational Education and Training in Developing Country*, The World Bank [by] Oxford University Press, (1993).
- [3]. Nguyễn Hữu Châu, *Giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo Dục, (2007)
- [4]. Bao Anh, *Nói Không Với Đào Tạo Không Theo Nhu Cầu Xã Hội*, <http://www.hanoimoi.com.vn/vn/47/142403/>, (2007).
- [5]. Edwards, R. Sieminski, S and Zeldin. D, *Adult Learners, Education and Training*, Published London : Routledge in association with the Open University, (1993).
- [6]. Finlay, I. Niven, S. and Young, S., *Changing Vocational Education and Training: an International Comparative perspective*, London New York Routledge, (1998).
- [7]. Beder, H., and Valentine, T., *Iowa's Adult Basic Education Students: Descriptive Profiles Based on Motivation, Cognitive Ability, and Sociodemographic Status*. Des Moines, IA: State of Iowa department of education Education and Training in Developing Countries. Oxford University Press, (1987).
- [8]. McGivney, V., *Education's for other People: Access to Education for Non-participant Adults*, Leicester. NIACE. P9, (1990).